

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2022

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Doan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiện.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Kiều D, sinh năm: 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm: 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kiều D trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường G tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/10/2016. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh G thường xuyên uống rượu vô cớ đánh đập chị, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Gia Khang, sinh ngày 29/8/2017 (nam), hiện cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 17/8/2022 bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày: Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị D nhưng nếu chị D cương quyết xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Gia Khang, sinh năm 2017, hiện cháu đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng anh G đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Kiều D và anh Nguyễn Trường G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh G là đúng quy định. Chị D yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh G xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị D cho rằng trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị D yêu cầu ly hôn, anh G cho rằng trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị D cương quyết xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa chị D và anh G đã có mâu thuẫn và đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị D xin ly hôn và anh G đồng ý ly hôn trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh G xác định có một người con chung tên Nguyễn Gia Khang, sinh ngày 29/8/2017 (nam), hiện cháu đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con anh G đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của đương sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục con chung. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kiều D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia Khang, sinh ngày 29/8/2017 (nam) cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22/6/2022 chị D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị D, anh G vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan